

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/HS-ST
Ngày 18-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bế Đức Thông

Bà Lương Thị Phụng

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Hồng Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Lệ Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 83/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn L, tên thường gọi khác: Không có, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1982 tại huyện P, tỉnh Bình Định. Nơi cư trú: Thôn D, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1947 và bà Bùi Thị C1, sinh năm 1952; vợ: Nguyễn Thị C2, sinh năm 1984 và 04 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa bị xử lý hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 23-3-2021, tạm giam ngày 26-3-2021, đến ngày 12-4-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có mặt.

2. Lê Xuân P, tên thường gọi khác: Không có, sinh năm 1977 (bị cáo không biết ngày, tháng sinh) tại huyện H, tỉnh Bình Định. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân B1 (bị cáo không nhớ năm sinh) và bà Bùi Thị S1(bị cáo không nhớ năm sinh); vợ: Võ Kim O, sinh năm 1983 và 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ

sinh năm 2013; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa bị xử lý hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 23-3-2021, tạm giam ngày 26-3-2021, đến ngày 12-4-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có mặt.

3. Hà Xuân B, tên thường gọi khác: Không có, sinh ngày 01 tháng 9 năm 1971 tại huyện A, tỉnh Bình Định. Nơi cư trú: Số E, đường H, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Xuân T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); vợ: Nguyễn Thị Thanh H1 (đã ly hôn) và 03 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa bị xử lý hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 23-3-2021, tạm giam ngày 26-3-2021, đến ngày 12-4-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có mặt.

4. Lê Văn D, tên thường gọi khác: Không có, sinh ngày 21 tháng 3 năm 1979 tại huyện P, tỉnh Bình Định. Nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; không biết bố là ai và bà Lê Thị N1, sinh năm 1943; vợ: Nguyễn Thị S2, sinh năm 1980 và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa bị xử lý hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 23-3-2021, tạm giam ngày 26-3-2021, đến ngày 12-4-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Trương Ngọc T, tên thường gọi khác: Không có, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1980 tại huyện P, tỉnh Bình Định. Nơi cư trú: Số F, đường V, phường C, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Bá N2, sinh năm 1954 và bà Đoàn Thị H2, sinh năm 1956; vợ: Hồ Lê V1, sinh năm 1982 và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa bị xử lý hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 23-3-2021, tạm giam ngày 26-3-2021, đến ngày 29-03-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Trần Hùng C, tên thường gọi khác: Không có, sinh ngày 23 tháng 10 năm 1979 tại huyện P, tỉnh Bình Định. Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang G, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị Xuân M, sinh năm 1957; vợ: Trương Thị Mỹ K, sinh năm 1984 và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình

sự; chưa bị xử lý hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 23-3-2021, tạm giam ngày 26-3-2021, đến ngày 12-4-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Lê Trung V, tên thường gọi khác: Không có, sinh ngày 26 tháng 3 năm 1978 tại huyện P, tỉnh Bình Định. Nơi cư trú: Thôn A, thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thái Q và bà Võ Thị R; vợ: Nguyễn Thị Đan U, sinh năm 1981 và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa bị xử lý hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 23-3-2021, tạm giam ngày 26-3-2021, đến ngày 12-4-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có mặt.

8. Mai Quang S, tên thường gọi khác: Không có, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1979 tại huyện P, tỉnh Bình Định. Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai X, sinh năm 1942 (đã chết) và bà Trần Thị Y, sinh năm 1952; vợ: Lê Thị L1, sinh năm 1984 và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa bị xử lý hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 23-3-2021, tạm giam ngày 26-3-2021, đến ngày 12-4-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có đơn xin xét xử vắng mặt.

9. Nguyễn Thanh A, tên thường gọi khác: Không có, sinh ngày 15 tháng 02 năm 1985 tại huyện P, tỉnh Bình Định. Nơi cư trú: Thôn D, xã L, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn J1 (đã chết) và bà Huỳnh Thị L2, sinh năm 1954; vợ: Lê Thị Mỹ P1, sinh năm 1988 và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa bị xử lý hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 23-3-2021, tạm giam ngày 26-3-2021, đến ngày 12-4-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có đơn xin xét xử vắng mặt.

10. Nguyễn Trường E, tên thường gọi khác: Không có, sinh ngày 08 tháng 9 năm 1999 tại huyện T, tỉnh Bình Định. Nơi cư trú: Thôn X, xã Q, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A1, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1977; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa bị xử lý hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 23-3-2021, tạm giam ngày 26-3-2021, đến ngày 12-4-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có đơn xin xét xử vắng mặt.

11. Nguyễn Thanh F, tên thường gọi khác: Không có, sinh ngày 21 tháng 02 năm 1976 tại huyện P, tỉnh Bình Định. Nơi cư trú: Thôn Z, xã H, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn E1 và bà Đoàn Thị D2; vợ: Nguyễn Thị E2, sinh năm 1980 và 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa bị xử lý hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 23-3-2021, tạm giam ngày 26-3-2021, đến ngày 12-4-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có đơn xin xét xử vắng mặt.

12. Hà Văn N, tên thường gọi khác: Không có, sinh ngày 07 tháng 5 năm 1985 tại huyện P, tỉnh Bình Định. Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện M, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà F1, sinh năm 1955 và bà Võ Thị F2, sinh năm 1958; vợ: Võ Diệp B2, sinh năm 1989 và 01 con sinh năm 2016; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa bị xử lý hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 23-3-2021, tạm giam ngày 26-3-2021, đến ngày 12-4-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có mặt.

13. Bùi Như J, tên thường gọi khác: Không có, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1986 tại huyện P, tỉnh Bình Định. Nơi cư trú: Thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12 ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Như G1 và bà Nguyễn Thị G2; vợ: Võ Thị Như Q1, sinh năm 1992 và 01 con sinh năm 2020; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa bị xử lý hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 23-3-2021, tạm giam từ ngày 26-3-2021, đến ngày 12-4-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có đơn xin xét xử vắng mặt.

14. Võ Đình I, tên thường gọi khác: Không có, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1975 tại huyện M, tỉnh Bình Định. Nơi cư trú: Xã H, huyện M, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Q2 (đã chết) và bà Đỗ Thị I1 (đã chết); vợ: Trần Thị Lệ I2, sinh năm 1975 và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2006/HSST ngày 26/7/2006 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù về tội Lưu hành tiền giả, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, tuy nhiên do ngày 25-03-2021, bị cáo Võ Đình I mới thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm với số tiền 50.000 (năm mươi nghìn) đồng, nên chưa được xóa án tích, tiền sự: Không có; nhân thân: Đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự chưa được xóa án tích; chưa bị xử lý hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm

giữ ngày 23-3-2021, tạm giam từ ngày 26-3-2021, đến ngày 13-4-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có mặt.

15. Võ Hồng Z, tên thường gọi khác: Không có, sinh ngày 16 tháng 01 năm 1978 tại thị xã F, tỉnh Bình Định. Nơi cư trú: Số Z, quốc lộ A, phường T, thị xã F, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ A2, sinh năm 1944 và bà Lê Thị P2, sinh năm 1950 (đã chết); vợ: Nguyễn Thị J2, sinh năm 1978 và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Không, tiền sự: Không có; nhân thân: Đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự đã được xóa án tích theo Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2013/HSST ngày 16/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù về tội Đánh bạc; chưa bị xử lý hành chính; chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 23-3-2021, tạm giam từ ngày 26-3-2021, đến ngày 12-4-2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có mặt.

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1. Ông Phan Văn K1, sinh năm 1973; vắng mặt.
2. Anh Nguyễn Quốc M1, sinh năm 1982; vắng mặt.
3. Anh Lê Thành O1, sinh năm 1981; vắng mặt.
4. Anh Trảo Văn R1, sinh năm 1984; vắng mặt.

Người chứng kiến: Ông Đỗ Xuân U1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L, Lê Văn D, Trần Hùng C, Lê Trung V, Mai Quang S, Nguyễn Thanh A, Nguyễn Thanh F, Bùi Như J, cùng trú tại: huyện P, tỉnh Bình Định; Lê Xuân P, trú tại: Huyện H, tỉnh Bình Định; Hà Xuân B, Trương Ngọc T, cùng trú tại: Thành phố Q, tỉnh Bình Định; Hà Văn N, Võ Đình I, cùng trú tại: Huyện M, tỉnh Bình Định; Nguyễn Trường E, trú tại: huyện T, tỉnh Bình Định và Võ Hồng Z, trú tại: Thị xã F, tỉnh Bình Định đều làm nghề lái xe chở hàng hóa ra Cửa khẩu T để xuất khẩu sang Trung Quốc. Trong thời gian chờ đón xe hàng từ Trung Quốc về 15 bị cáo thuê phòng ở tầng A, Ki ốt số B của ông Đỗ Xuân U1 tại Bãi xe N thuộc thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để nghỉ trọ. Khoảng 19 giờ ngày 22-3-2021, Nguyễn Văn L cùng Lê Xuân P, Hà Xuân B, Lê Văn D, Hà Văn N, Trương Ngọc T, Trần Hùng C, Lê Trung V, Mai Quang S, Nguyễn Thanh A, Nguyễn Trường E, Nguyễn Thanh F, Bùi Như J, Võ Đình I và Võ Hồng Z cùng nhau đánh bạc ăn tiền dưới hình thức “bầu cua” tại phòng nghỉ. Nguyễn Văn L là người chuẩn bị công cụ dùng để đánh bạc gồm bát

nhôm, đĩa nhôm, 03 (ba) quân xúc xắc, tấm bìa có in hình bầu cua (bảng vị) và cầm cái cho những người khác tham gia đánh bạc. Cách thức đánh bạc dưới hình thức “bầu cua” như sau: Người cầm cái là Nguyễn Văn L sẽ dùng bát nhôm, đĩa nhôm để lắc 03 (ba) quân xúc xắc, mỗi quân xúc xắc có 06 (sáu) hình là hươu, bầu, cua, tôm, cá, gà. Người chơi sẽ đặt tiền vào các hình mình thích trên bảng vị (là tấm bìa có 06 hình hươu, bầu, cua, tôm, cá, gà). Sau đó, người cầm cái sẽ mở bát để cho các đối tượng chơi xem kết quả, nếu mặt trên cùng của quân xúc xắc là hình người chơi đặt cược thì người chơi sẽ thắng số tiền tương ứng số tiền đã đặt cược, nếu có 02 (hai) hoặc 03 (ba) quân xúc xắc có mặt trên cùng giống hình đặt thì người chơi sẽ thắng gấp đôi hoặc gấp ba số tiền đặt cược. Người cầm cái sẽ thu tiền của người thua và trả tiền cho người thắng. Quá trình đánh bạc, các đối tượng đặt cược mỗi ván từ 50.000 (năm mươi nghìn) đồng đến 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, trên mặt sỏi bạc mỗi ván có khoảng từ 2.000.000 (hai triệu) đồng đến 3.000.000 (ba triệu) đồng. Các đối tượng đánh bạc từ khoảng 19 giờ đến 21 giờ ngày 22-3-2021 thì tổ công tác Phòng PC02 - Công an tỉnh Lạng Sơn phối hợp Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn phát hiện, bắt quả tang 15 bị cáo có tên nêu trên về hành vi đánh bạc, thu giữ tại sỏi bạc số tiền tổng cộng 39.880.000 (ba mươi chín triệu tám trăm tám mươi nghìn) đồng, trong đó số tiền trên mặt sỏi bạc là 15.160.000 (mười năm triệu một trăm sáu mươi nghìn) đồng, trên phản cạnh sỏi bạc là 24.720.000 (hai mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng; 01 (một) bát nhôm; 01 (một) đĩa nhôm; 03 (ba) quân xúc xắc bằng giấy bìa, trên mỗi mặt của xúc xắc có in hình ảnh khác nhau; 01 (một) tấm bìa có in nhiều hình ảnh và được chia thành 06 ô vuông; 01 (một) thảm màu vàng.

Tại bản Kết luận giám định số 310/KLGD-PC09 ngày 01-7-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Toàn bộ số tiền Việt Nam 15.160.000 (mười lăm triệu một trăm sáu mươi nghìn) đồng trong phong bì niêm phong gửi giám định đều là tiền thật.

Tại bản Cáo trạng số 77/CT-VKS ngày 10-8-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Xuân P, Hà Xuân B, Lê Văn D, Hà Văn N, Trương Ngọc T, Trần Hùng C, Lê Trung V, Mai Quang S, Nguyễn Thanh A, Nguyễn Trường E, Nguyễn Thanh F, Bùi Như J, Võ Đình I và Võ Hồng Z về tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Xuân P, Hà Xuân B, Lê Trung V, Hà Văn N; Võ Đình I và Võ Hồng Z đều khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên và không khai báo bổ sung. Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội mà bản thân đã thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng do hám lời nên các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc. Tổng số tiền thu được trên chiếu bạc là 15.160.000 (mười năm triệu một trăm sáu mươi nghìn) đồng. Lời khai nhận tội của các bị cáo có mặt tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong bản tự khai, biên bản ghi lời khai của bị cáo Lê Văn D, Trương Ngọc T, Trần Hùng C, Mai Quang S, Nguyễn

Thanh A, Nguyễn Trường E, Nguyễn Thanh F, Bùi Như J. Trong đó số tiền đánh bạc của các bị cáo như sau: Bị cáo Nguyễn Văn L có khoảng 3.200.000 (ba triệu hai trăm nghìn) đồng; Lê Xuân P 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng; Nguyễn Thanh F có 3.030.000 (ba triệu ba trăm linh ba nghìn) đồng; Lê Trung V có 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng; Trương Ngọc T có 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng; Lê Văn D có 1000.000 (một triệu) đồng; Nguyễn Thanh A có 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng; Hà Xuân B và Hà Văn N có 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; Mai Quang S, Bùi Như J, Võ Đình I mỗi bị cáo có 200.000 (hai trăm nghìn) đồng; Trần Hùng C có 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng; Võ Hồng Z có 100.000 (một trăm nghìn) đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Xuân P, Hà Xuân B, Lê Văn D, Hà Văn N, Trương Ngọc T, Trần Hùng C, Lê Trung V, Mai Quang S, Nguyễn Thanh A, Nguyễn Trường E, Nguyễn Thanh F, Bùi Như J, Võ Đình I và Võ Hồng Z về tội Đánh bạc.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Võ Đình I.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Võ Hồng Z.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Xuân P, Nguyễn Thanh F, Lê Trung V, Trương Ngọc T, Lê Văn D, Nguyễn Thanh A, Hà Xuân B, Hà Văn N.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Trần Hùng C, Nguyễn Trường E, Bùi Như J, Mai Quang S.

- Xử phạt bị cáo Võ Đình I, Võ Hồng Z từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm.

- Xử phạt các bị cáo Lê Xuân P, Nguyễn Thanh F, Lê Trung V, Trương Ngọc T, Lê Văn D từ 9 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm.

- Xử phạt các bị cáo Nguyễn Thanh A, Hà Văn N, Hà Xuân B từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng.

- Xử phạt các bị cáo Trần Hùng C, Nguyễn Trường E, Bùi Như J, Nguyễn Quang S từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Xét thấy các bị cáo Trần Hùng C, Nguyễn Trường E, Bùi Như J, Nguyễn Quang S không có việc làm ổn định, nên miễn khẩu trừ thu nhập cho các bị cáo và các bị cáo cũng không phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ vì các bị cáo phải lao động nuôi bản thân và gia đình.

Đối với các bị cáo Trần Hùng C, Nguyễn Trường E, Bùi Như J, Nguyễn Quang S bị xử phạt hình phạt cải tạo không giam giữ thời gian các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là 21 ngày (từ ngày 23-3-2021 đến ngày 12-4-2021) được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ (21 ngày x 03 = 63 ngày).

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 15.160.000 (mười lăm triệu một trăm sáu mươi nghìn) đồng thu trên chiếu bạc.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì thư mặt ngoài có chữ viết tay “QT ĐÁNH BẠC”; 01 (một) bát nhôm cũ đã qua sử dụng, 03 (ba) quân xúc xắc bằng giấy bìa trên mỗi mặt xúc xắc có in hình ảnh khác nhau; 01 (một) tấm bìa có in nhiều hình ảnh và được chia thành 06 ô vuông; 01 (một) tấm màu vàng cũ đã qua sử dụng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Tại lời nói sau cùng các bị cáo chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa

những người tham gia tố tụng không khiếu nại quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Các bị cáo Lê Văn D, Trương Ngọc T, Trần Hùng C, Mai Quang S, Nguyễn Thanh A, Nguyễn Trường E, Nguyễn Thanh F, Bùi Như J có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Những người làm chứng ông Phan Văn K1, anh Nguyễn Quốc M1, anh Lê Thành O1, anh Trảo Văn R1; người chứng kiến ông Đỗ Xuân U1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy trong hồ sơ đã thể lại lời khai của các bị cáo; người làm chứng, người chứng kiến; việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290; Điều 293; Điều 296 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 22-3-2021; phù hợp với bản Kết luận giám định số 310/KLGD-PC09 ngày 01-7-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn; phù hợp lời khai của người làm chứng, người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Hồi 21 giờ 10 phút, ngày 22-03-2021 tại ki ốt số B Bãi xe N thuộc thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Xuân P, Hà Xuân B, Lê Văn D, Hà Văn N, Trương Ngọc T, Trần Hùng C, Lê Trung V, Mai Quang S, Nguyễn Thanh A, Nguyễn Trường E, Nguyễn Thanh F, Bùi Như J, Võ Đình I và Võ Hồng Z đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức “Bầu cua” ăn thua bằng tiền thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang. Số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 15.160.000 (mười năm triệu một trăm sáu mươi nghìn) đồng. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Xuân P, Hà Xuân B, Lê Văn D, Hà Văn N, Trương Ngọc T, Trần Hùng C, Lê Trung V, Mai Quang S, Nguyễn Thanh A, Nguyễn Trường E, Nguyễn Thanh F, Bùi Như J, Võ Đình I và Võ Hồng Z về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo gây ra không những vi phạm quy định về quản lý hành chính của Nhà nước mà còn ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Chính vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi của mình gây ra.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là đồng phạm giản đơn, bột phát, các bị cáo cùng nhau cố ý thực hiện tội phạm và các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội đánh bạc. Trong đó bị cáo Nguyễn Văn L là người có vai trò chính, tích cực hơn các bị cáo khác, các bị cáo khác cùng nhau tham gia đánh bạc. Các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra và cùng phải chịu một chế tài do điều luật có quy định, xong về nguyên tắc

mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Xuân P, Hà Xuân B, Lê Văn D, Hà Văn N, Trương Ngọc T, Trần Hùng C, Lê Trung V, Mai Quang S, Nguyễn Thanh A, Nguyễn Trường E, Nguyễn Thanh F, Bùi Như J; Võ Đình I, Võ Hồng Z tại cơ quan điều tra thành khẩn khai báo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các bị cáo (trừ bị cáo Võ Đình I, Võ Hồng Z) còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Võ Đình I có bố đẻ là ông Võ Q2 được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất số 536; mẹ đẻ là bà Đỗ Thị I1 có bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định số 439 do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Xuân P, Hà Xuân B, Lê Văn D, Hà Văn N, Trương Ngọc T, Trần Hùng C, Lê Trung V, Mai Quang S, Nguyễn Thanh A, Nguyễn Trường E, Nguyễn Thanh F, Bùi Như J; Võ Hồng Z không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Võ Đình I có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là Tái phạm.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Xuân P, Hà Xuân B, Lê Văn D, Hà Văn N, Trương Ngọc T, Trần Hùng C, Lê Trung V, Mai Quang S, Nguyễn Thanh A, Nguyễn Trường E, Nguyễn Thanh F, Bùi Như J chưa có tiền án, tiền sự nên xác định các bị cáo là người có nhân thân tốt. Các bị cáo Võ Hồng Z có tiền án đã được xóa án tích, bị cáo Võ Đình I có tiền án chưa được xóa án tích, do đó xác định các bị cáo là người có nhân thân xấu.

[9] Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Xuân P, Hà Xuân B, Lê Văn D, Hà Văn N, Trương Ngọc T, Trần Hùng C, Lê Trung V, Mai Quang S, Nguyễn Thanh A, Nguyễn Trường E, Nguyễn Thanh F, Bùi Như J, Võ Đình I, Võ Hồng Z là ít nghiêm trọng. Từ những phân tích trên, trên cơ sở xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Xuân P, Hà Xuân B, Lê Văn D, Hà Văn N, Trương Ngọc T, Trần Hùng C, Lê Trung V, Mai Quang S, Nguyễn Thanh A, Nguyễn Trường E, Nguyễn Thanh F, Bùi Như J có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thật sự hối hận về hành vi phạm tội của mình, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; các bị cáo có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, không bắt các bị cáo đi chấp hành án phạt tù thì cũng không gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó việc áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo tại địa phương là phù hợp, để các bị cáo được lao động, chăm sóc cho gia đình và thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật, tự giác cải tạo

để trở thành người có ích cho xã hội. Đối với bị cáo Võ Đình I đã bị kết án chưa được xóa án tích, bị cáo Võ Hồng Z đã bị kết án về tội đánh bạc đã được xóa án tích, các bị cáo đã từng bị kết án nhưng các bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội cho thấy các bị cáo không có khả năng tự cải tạo, do vậy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo Võ Đình I, Võ Hồng Z đã thực hiện, mới đủ để răn đe, cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa giáo dục chung cho xã hội.

[10] Xét thấy các bị cáo Trần Hùng C, Nguyễn Trường E, Bùi Như J, Mai Quang S không có việc làm ổn định, nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo và các bị cáo cũng không phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ vì các bị cáo phải lao động nuôi bản thân và gia đình.

[11] Đối với các bị cáo Trần Hùng C, Nguyễn Trường E, Bùi Như J, Mai Quang S bị xử phạt hình phạt cải tạo không giam giữ thời gian các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là 21 ngày (từ ngày 23-3-2021 đến ngày 12-4-2021) được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ (21 ngày x 03 ngày= 63 ngày).

[12] Đối với ông Đỗ Xuân U1 là chủ phòng trọ tại Ki ốt số B Bãi xe N, tối ngày 22-03-2021 không biết việc các bị cáo đánh bạc tại phòng trọ của mình dưới hình thức “Bầu cua” ăn tiền và không được hưởng lợi gì từ việc đánh bạc của các bị cáo, nên không có căn cứ đề nghị xử lý về hành vi tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc.

[13] Đối với số tiền 24.720.000 (hai mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng thu giữ trên phản cạnh chiếu bạc. Kết quả điều tra xác định, số tiền trên là tiền cược xe của bị cáo Nguyễn Văn L, không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Ngày 17-7-2021, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lãng đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại số tiền trên cho bị cáo Nguyễn Văn L.

[14] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 “người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 (mười triệu) đồng đến 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng”. Căn cứ vào các biên bản xác minh và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn L thuộc diện hộ nghèo; Võ Đình I có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân Xã H, huyện M, tỉnh Bình Định; bị cáo Trương Ngọc T bị bệnh hen suyễn mãn tính, bị cáo Nguyễn Thanh F bị tai biến mạch máu não nên khả năng lao động hạn chế thu nhập hàng tháng không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo. Căn cứ vào biên bản xác minh, nghề nghiệp của các bị cáo Lê Xuân P, Lê Trung V, Lê Văn D, Nguyễn Thanh A, Hà Văn N, Hà Xuân B, Trần Hùng C, Nguyễn Trường E, Bùi Như J, Nguyễn Quang S, Võ Hồng Z đều thu nhập từ nghề lái xe nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[15] Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 15.160.000 (mười lăm triệu một trăm sáu mươi nghìn) đồng thu trên chiếu bạc là

công cụ phạm tội liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[16] Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì thư mặt ngoài có chữ viết tay “QT ĐÁNH BẠC”; 01 (một) bát nhôm cũ đã qua sử dụng, 03 (ba) quân xúc xắc bằng giấy bìa trên mỗi mặt xúc xắc có in hình ảnh khác nhau; 01 (một) tấm bìa có in nhiều hình ảnh và được chia thành 06 ô vuông; 01 (một) thảm màu vàng cũ đã qua sử dụng là công cụ phạm tội, là vật không có giá trị theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[17] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa về hình phạt chính; xử lý vật chứng là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với đề nghị của Viện kiểm sát về việc không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh kinh tế, nghề nghiệp của các bị cáo Lê Xuân P, Lê Trung V, Lê Văn D, Nguyễn Thanh A, Hà Văn N, Hà Xuân B, Trần Hùng C, Nguyễn Trường E, Bùi Như J, Nguyễn Quang S, Võ Hồng Z cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo để răn đe; đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật.

[18] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[19] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Võ Đình I.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Võ Hồng Z.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Thanh F, Trương Ngọc T.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Xuân P, Lê Trung V, Lê Văn D, Hà Xuân B, Hà Văn N; Nguyễn Thanh A.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Trần Hùng C, Nguyễn Trường E, Bùi Như J, Mai Quang S.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 331; 332; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Xuân P, Hà Xuân B, Lê Văn D, Hà Văn N, Trương Ngọc T, Trần Hùng C, Lê Trung V, Mai Quang S, Nguyễn Thanh A, Nguyễn Trường E, Nguyễn Thanh F, Bùi Như J, Võ Đình I và Võ Hồng Z phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt:

2.1. Hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Võ Đình I 07 (bảy) tháng tù; trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-3-2021 đến ngày 12-4-2021. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Võ Hồng Z 07 (bảy) tháng tù; trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-3-2021 đến ngày 12-4-2021. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 01 (một) năm 03 (tháng) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 18 tháng 9 năm 2021. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Lê Xuân P 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 18 tháng 9 năm 2021. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh F 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 18 tháng 9 năm 2021. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Lê Trung V 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 18 tháng 9 năm 2021. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Trương Ngọc T 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 18 tháng 9 năm 2021. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường C, Thành phố Q, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn D 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 18 tháng 9 năm 2021. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh A 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 18 tháng 9 năm 2021. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết

định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Hà Văn N 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 18 tháng 9 năm 2021. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Hà Xuân B 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 18 tháng 9 năm 2021. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường N, Thành phố Q, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Mai Quang S 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Bình Định giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Gia đình bị cáo Mai Quang S có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng cải tạo không giam giữ đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 99 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Mai Quang S; bị cáo không phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Bùi Như J 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân Thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Gia đình bị cáo Bùi Như J có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng cải tạo không giam giữ đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 99 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Bùi Như J; bị cáo không phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Trần Hùng C 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Bình Định giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Gia đình bị cáo Trần Hùng C có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng cải tạo không giam giữ đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 99 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trần Hùng C; bị cáo không phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường E 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Bình Định giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Gia đình bị cáo Nguyễn Trường E có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng cải tạo không giam giữ đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 99 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Trường E; bị cáo không phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2.2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Văn L, Võ Đình I, Nguyễn Thanh F, Trương Ngọc T. Áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng đối với các bị cáo Lê Xuân P, Lê Trung V, Lê Văn D, Nguyễn Thanh A, Hà Văn N, Hà Xuân B, Trần Hùng C, Nguyễn Trường E, Bùi Như J, Nguyễn Quang S, Võ Hồng Z.

3. Về xử lý vật chứng

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 15.160.000 (mười lăm triệu một trăm sáu mươi nghìn) đồng thu trên chiếu bạc.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì thư mặt ngoài có chữ viết tay “QT ĐÁNH BẠC”; 01 (một) bát nhôm cũ đã qua sử dụng, 03 (ba) quân xúc xắc bằng giấy bìa trên mỗi mặt xúc xắc có in hình ảnh khác nhau; 01 (một) tấm bìa có in nhiều hình ảnh và được chia thành 06 ô vuông; 01 (một) thảm màu vàng cũ đã qua sử dụng.

(Hiện các vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11-5-2021).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Xuân P, Hà Xuân B, Lê Văn D, Hà Văn N, Trương Ngọc T, Trần Hùng C, Lê Trung V, Mai Quang S, Nguyễn Thanh A, Nguyễn Trường E, Nguyễn Thanh F, Bùi Như J, Võ Đình I và

Võ Hồng Z mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Công an huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Đội Tổng hợp Công an huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Linh